

Tăng trưởng xanh trong nông nghiệp ở Nhật Bản và những gợi ý cho Việt Nam

HOÀNG XUÂN LÂM*

Là quốc gia có ưu thế về phát triển nông nghiệp, song Việt Nam cũng đang đối mặt với nhiều vấn đề, như: sản lượng nông nghiệp chưa đảm bảo, còn phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên; chất lượng nông sản thấp; kỹ thuật nuôi trồng, canh tác lạc hậu, chưa đúng quy trình... Bài viết nghiên cứu tăng trưởng xanh trong ngành nông nghiệp ở Nhật Bản, qua đó rút ra bài học cho Việt Nam nhằm phát triển nền nông nghiệp cân bằng với môi trường và đem lại giá trị cao cho nền kinh tế.

KINH NGHIỆM CỦA NHẬT BẢN

Chỉ với 3% dân số Nhật Bản làm nông nghiệp và diện tích đất sản xuất nông nghiệp rất hạn chế, nhưng ngành nông nghiệp của quốc gia này vẫn cung cấp đầy đủ lương thực chất lượng cao cho người dân và thậm chí xuất khẩu. Để đạt được thành tựu này, Nhật Bản đã tập trung thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ nhằm phát triển một ngành nông nghiệp xanh và bền vững. Cụ thể như sau:

Ban hành các chính sách đồng bộ

Để thực hiện mô hình tăng trưởng xanh trong nông nghiệp, Chính phủ Nhật Bản đã ban hành nhiều chính sách đồng bộ, gồm: đầu tư xanh, nghiên cứu và triển khai công nghệ xanh; tuyên truyền, đào tạo nhân lực, hợp tác quốc tế về phát triển nông nghiệp. Đặc biệt, Nhật Bản còn áp dụng hệ thống thuế xanh - một trong các công cụ quan trọng được sử dụng để thúc đẩy các sáng kiến xanh và bảo hộ cho nền nông nghiệp Nhật Bản.

Đồng thời, Bộ Nông nghiệp Nhật Bản cũng thường xuyên rà soát quy trình canh tác và đào tạo cho người nông dân. Đây là động lực to lớn giúp cho nông nghiệp Nhật Bản phát triển theo xu hướng tăng trưởng xanh. Mặt khác, Nhật Bản cũng khuyến khích người nông dân canh tác trên ruộng bậc thang. Bờ, ruộng bậc thang giúp giữ nước, ngăn ngừa lũ lụt, sạt lở đất, cung

cấp môi trường sống cho nhiều loài động vật và đồng thời tạo ra một cảnh quan đẹp.

Đặt quyền lợi của người dân lên hàng đầu

Chính phủ Nhật Bản luôn đặt tâm quan trọng của chất lượng nông sản lên cao; đặt lợi ích, quyền lợi của nông dân lên trên người tiêu dùng, buộc người dân Nhật Bản tiêu dùng nông sản quốc gia với giá cao nhằm đảm bảo thu nhập cho người nông dân Nhật Bản. Chính phủ cũng cắt giảm các loại thuế quan đối với nông sản của Nhật Bản sản xuất, đồng thời, đánh thuế cao và yêu cầu kiểm định chất lượng nghiêm ngặt đối với nông sản nhập khẩu nhằm giảm bớt cạnh tranh.

Đầu tư cho khoa học và công nghệ

Nhật Bản tập trung đầu tư phát triển khoa học, kỹ thuật nông nghiệp với chính sách phát triển sản xuất có chọn lọc và hoàn thiện cơ cấu nông nghiệp. Để việc áp dụng khoa học và công nghệ, cơ giới hoá... có hiệu quả, nhiều viện nghiên cứu đã tăng cường liên kết với các trường đại học, các hệ thống khuyến nông, các tổ chức của nông dân để giúp nông dân tiếp cận công nghệ, trang thiết bị tiên tiến giúp tăng năng suất, chất lượng, đảm bảo ngành nông nghiệp tăng trưởng ổn định.

Thúc đẩy sử dụng đất nông nghiệp hữu cơ

Nhật Bản có xuất phát điểm không thuận lợi cho phát triển nông nghiệp. Số liệu trong Bảng 1 cho thấy, diện tích đất sản xuất nông nghiệp của Nhật Bản tương đối hạn chế và liên tục bị thu hẹp qua các năm. Năm 2000, diện tích đất sản xuất nông nghiệp của Nhật Bản là 5.258 triệu ha, đến năm 2005 còn 4.692 triệu ha và tiếp tục giảm còn 4.444 triệu ha năm 2017. Nguyên nhân giảm liên tục diện tích canh tác nông nghiệp là do tốc độ đô thị hóa, công nghiệp hóa phát triển mạnh mẽ. Tuy vậy, Chính phủ Nhật Bản đã thực thi và thiết lập các chính sách nhằm quản lý chặt chẽ và sử dụng hiệu

*TS., Trường Đại học Công nghệ và Quản lý Hữu Nghị

NG 1: DIỆN TÍCH ĐẤT NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ
QUA CÁC NĂM CỦA NHẬT BẢN VÀ VIỆT NAM

Đơn vị: Nghìn ha

Diện tích đất sản xuất nông nghiệp	Nhật Bản		Việt Nam	
	Diện tích đất nông nghiệp	Diện tích đất nông nghiệp hữu cơ	Diện tích đất sản xuất nông nghiệp	Diện tích đất nông nghiệp hữu cơ
5.258			8.780	
4.793			9.483	
4.763			9.455	
4.736			9.537	
4.714			9.795,6	
4.692			10.054,1	6,5
4.671			10.078	21,9
4.650	6,63		10.062,6	12,1
4.628	9,09		10.240,8	12,6
4.609	9,07		10.292	14
4.593	9,07		10.760,1	19,3
4.561	9,04		10.768,6	23,4
4.549	10,6		10.793,3	36,28
4.537	10,6		10.852,8	37,49
4.519	10,6		10.873,7	43
4.496	10,4		11.710	76,67
4.471	9,96		12.172,2	53,5
4.444	9,96		12.168,8	58,02

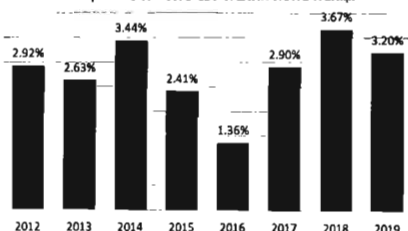
ẢNH 2: SỐ LƯỢNG THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT ĐƯỢC SỬ DỤNG
QUA CÁC NĂM TẠI NHẬT BẢN

Đơn vị: Tấn

Loại thuốc	2011	2012	2013	2014
Loại thuốc chủ yếu	51.796,3	52.794,3	54.171,16	52.248,52
trừ sâu	18.847,5	17.547,8	18.187,77	16.947,7
liệt nấm và thuốc diệt vi khuẩn	21.022,6	22.825,1	22.855,78	21.700,21
liệt cỏ	11.414,3	11.979,5	12.653,15	13.136,47
liệt động vật gặm nhấm	3,2	3,1	2,72	3,3
thu hòa sinh trưởng	508,7	438,8	471,74	460,84

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ số liệu của FAO

HÌNH: TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP NGÀNH NÔNG NGHIỆP



Tác giả tổng hợp từ số liệu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

quả nhất quỹ đất này. Cụ thể, Nhật Bản gia tăng diện tích đất nông nghiệp hữu cơ nhằm cung cấp nông sản có chất lượng đối với tiêu dùng và gia tăng năng suất cây trồng, vật nuôi. Theo thống kê của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc (FAO), diện tích đất nông nghiệp hữu cơ được Nhật Bản mở rộng qua các năm, từ 6,63 nghìn ha năm 2007 lên 9,96 nghìn ha năm 2017.

Bảo tồn tài nguyên và môi trường trong nông nghiệp

Nhật Bản thiết lập các phương pháp khác nhau để tiếp cận và thực hiện việc duy trì chất lượng tài nguyên nông sản, thông qua giảm sử dụng phân hóa học, giảm số lượng thuốc trừ sâu và cải tạo đất bằng bón phân hoai mục từ phân động - thực vật. Đây được coi là thành công trong công tác quản lý và là biểu hiện rõ ràng cho một nền kinh tế nông nghiệp theo xu hướng tăng trưởng xanh.

Năm 2011, tổng lượng thuốc bảo vệ thực vật sử dụng trong nông nghiệp ở Nhật Bản là 51.796,3 tấn, tăng lên 54.171,16 tấn thuốc năm 2015 và giảm xuống còn 52.248,52 tấn năm 2017. Nhìn chung, lượng thuốc bảo vệ thực vật sử dụng trong nông nghiệp Nhật Bản là tương đối thấp, việc sử dụng một số loại thuốc bảo vệ thực vật có xu hướng giảm, như: thuốc trừ sâu, thuốc diệt động vật gặm nhấm... (Bảng 2). Quốc gia này hạn chế tối mức tối đa lượng thuốc bảo vệ thực vật được sử dụng, tránh lạm dụng dẫn đến thoái hóa, ô nhiễm đất, nông sản chứa chất độc hại do chưa tiêu thụ và chuyển đổi hết lượng thuốc sử dụng.

GỢI Ý CHO VIỆT NAM

Là một nước nông nghiệp với khoảng 2/3 dân số sống ở khu vực nông thôn và miền núi, những năm qua, Việt Nam có tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp liên tục cải thiện (Hình). Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, năm 2019, nông sản xuất khẩu đạt kết quả cao nhất từ trước đến nay với 41,3 tỷ USD. Một số sản phẩm có giá trị xuất khẩu cao trên thế giới, bao gồm: hạt điều, ớt, cà tra, cà phê, đồ gỗ và gạo.

Tuy vậy, Việt Nam vẫn chưa phát huy tối đa tiềm năng phát triển nông nghiệp, đặc biệt là nông nghiệp xanh. Mặc dù Việt Nam đã có nỗ lực thực hiện chuyển dịch mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng sạch hơn và hiệu quả hơn, song kết quả đạt lại chưa thực sự tốt. Mô hình nông nghiệp hữu cơ, nông sản tuy đảm bảo chất lượng và sản xuất nông sản ít gây tác động xấu tới môi trường, nhưng mang lại năng suất cây trồng, vật nuôi còn thấp. Hoạt động phân phối sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trên thị trường nước ta đang trong tình trạng hỗn loạn, khó kiểm soát. Ngoài ra, còn có hiện trạng kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật không rõ chất lượng, làm giá

thương hiệu, nhái thương hiệu thuốc được duyệt đưa vào sử dụng...

Qua nghiên cứu kinh nghiệm của Nhật Bản và thực tế ở Việt Nam, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy tăng trưởng xanh trong nông nghiệp Việt Nam thời gian tới, như sau:

Một là, tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách, tạo hành lang pháp lý phát triển nông nghiệp xanh. Tiếp tục triển khai thực hiện các giải pháp trọng tâm thúc đẩy phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo Nghị quyết số 30/NQ-CP, ngày 07/03/2017 của Chính phủ và phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 02/2017; rà soát hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phục vụ quản lý vật tư, nông sản...

Hai là, kiểm soát nghiêm ngặt việc kinh doanh, buôn bán, sản xuất và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật. Quản lý chặt đầu vào và loại bỏ các loại thuốc kém chất lượng, độc hại với con người và môi trường.

Xây dựng và củng cố về tổ chức, nội dung hoạt động của mạng lưới dịch vụ bảo vệ thực vật. Đẩy mạnh công tác tập huấn cho cán bộ kỹ thuật cơ sở, đại lý bán thuốc bảo vệ thực vật và người nông dân. Hướng dẫn nông dân giảm việc sử dụng phân bón hóa học, tăng sử dụng phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ sinh học... Bên cạnh đó, cần có chính sách và biện pháp khuyến khích để hỗ trợ mọi mặt trong việc sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật sinh học, thuốc thảo mộc, thuốc thế hệ mới trong sản xuất nông nghiệp...

Ba là, khuyến khích hoạt động nghiên cứu và phát triển khoa học, công nghệ trong sản xuất nông nghiệp. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất nông nghiệp nhằm tạo ra các loại nông sản mới đa dạng, tăng năng suất, tăng sản lượng, giảm

giá thành sản phẩm, nhất là nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, cạnh tranh với nông sản nước ngoài.

Đồng thời, Nhà nước cần có chính sách giúp người nông dân, doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận các thành tựu khoa học kỹ thuật để hướng tới phát triển nông nghiệp theo hướng xanh. Hình thành mối liên kết chặt chẽ giữa doanh nghiệp với những tổ chức khoa học, công nghệ để thúc đẩy quá trình nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ trong nông nghiệp. Có cơ chế hỗ trợ nhập khẩu công nghệ mới, công nghệ tiên tiến để đổi mới công nghệ của doanh nghiệp.

Bốn là, đẩy nhanh tiến độ tích tụ và tập trung ruộng đất, mở rộng diện tích đất nông nghiệp hữu cơ. Việc tích tụ ruộng đất không nên tiến hành theo kiểu thu hồi đất của nông dân rồi giao cho doanh nghiệp, mà tiến hành dần dần đổi thửa trên cơ chế hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp và nông dân, khuyến khích nông dân góp vốn bằng ruộng đất vào doanh nghiệp hoặc tham gia các hợp tác xã để hình thành các cánh đồng lớn, ứng dụng được công nghệ và đảm bảo sản xuất đúng quy hoạch.

Đặc biệt, cần có cơ chế, chính sách ưu tiên tạo quỹ đất cho các dự án, tạo điều kiện thuận lợi, cho phép các nhà đầu tư tích tụ tập trung, mở rộng diện tích đất để thực hiện mở rộng các dự án nông nghiệp; nên nới rộng hạn điền và thời gian giao quyền sử dụng đất để người dân yên tâm đầu tư lâu dài.

Năm là, nâng cao hiệu quả đào tạo nghề cho lực lượng lao động nông nghiệp. Đào tạo nghề phải xuất phát từ nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp trên từng địa bàn cụ thể và nhu cầu thực tế của người dân. Do đó, từng địa phương cần có những nghiên cứu đánh giá để nắm bắt nhu cầu cụ thể của từng nghề, nhóm nghề, vị trí công việc... của doanh nghiệp nhằm đáp ứng nhân lực phù hợp.

Mặt khác, đẩy mạnh đào tạo nghề, nâng cao kiến thức cho người lao động nông thôn để có thể tiếp thu thành quả công nghệ hiện đại trong sản xuất nông nghiệp. Từng bước có những chính sách, biện pháp khắc phục tình trạng tụt đố cơ sở sản xuất nhân lực phục vụ phát triển nông nghiệp xanh. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2012-2019). Báo cáo tổng kết công tác các năm 2012-2019 và phương hướng, nhiệm vụ công tác các năm 2013-2020
2. Hoàng Thị Kim Oanh (2018). Tăng trưởng xanh trong ngành nông nghiệp: kinh nghiệm từ Nhật Bản và bài học đối với Việt Nam, Đề tài niên luận, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội
3. AJRC (2000). *Improving Japanese Agricultural Trade Policies: issues, options and strategies*. Pacific Economic Papers 300 (forthcoming), Canberra: Australia-Japan Research Centre
4. K. Yamashita (2015). *Japanese Agricultural Trade Policy and Sustainable Development*
5. Kazuhito Yamashita (2006). Food and agriculture problems for Japan and the world in the twenty-first century, *Asia-Pacific Review*, 13(1), 1-15
6. FAO (2018). *Land use*, access to <http://www.fao.org/faostat/en/#data/RL>